

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 03 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: Ngày 03/04/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỶ BÁO CÁO Tháng 03/2009	KỶ TRƯỚC Tháng 02/2009
1	Tiền	248,105,098,659	199,677,104,882
2	Các khoản đầu tư	1,267,944,553,866	1,253,633,100,311
2.1	Trái phiếu	328,671,852,138	326,980,090,628
2.2	Cổ phiếu	939,272,701,728	926,653,009,683
2.2.1	CP niêm yết	582,050,849,200	574,295,459,600
2.2.2	CP chưa niêm yết	357,221,852,528	352,357,550,083
3	Cổ tức được nhận	5,351,512,080	538,680,000
4	Lãi được nhận	17,916,858,122	15,511,427,046
4.1	Lãi trái phiếu	17,396,838,000	15,165,272,000
4.2	Lãi TGNH	520,020,122	346,155,046
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	1,662,966,400	5,337,153,400
6	Các khoản phải thu khác		
7	Các tài sản khác	81,500,000,000	81,500,000,000
	TỔNG TÀI SẢN	1,622,480,989,127	1,556,197,465,639
STT	NỢ	KỶ BÁO CÁO Tháng 03/2009	KỶ TRƯỚC Tháng 02/2009
8	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	1,173,674,000	4,642,000,000
9	Các khoản phải trả khác	3,527,808,059	3,556,996,062
9.1	Phí quản lý quỹ	2,700,980,879	2,584,563,511
9.2	Phí lưu ký, giám sát	108,039,235	155,073,811
9.3	Thù lao BDD	54,000,000	54,000,000
9.4	Phí môi giới CK	122,904,979	221,475,774
9.5	Phí kiểm toán	365,400,000	365,400,000
9.6	Phải trả khác	176,482,966	176,482,966
10	Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1		
	TỔNG NỢ	4,701,482,059	8,198,996,062
	TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	1,617,779,507,068	1,547,998,469,577
11	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000
12	Giá trị của một đơn vị quỹ	16,178	15,480

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 03 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: Ngày 03/04/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 03/2009	KỲ TRƯỚC Tháng 02/2009
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	1,547,998,469,577	1,673,835,657,975
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	69,781,037,491	(125,837,188,398)
	Trong đó	-	-
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	69,781,037,491	(125,837,188,398)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	1,617,779,507,068	1,547,998,469,577
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	16,178	15,480

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

Mẫu CBTT - 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 03 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: Ngày 03/04/2009

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 03/2009	KỲ TRƯỚC Tháng 02/2009	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM 2009
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	8,255,190,305	3,799,246,577	17,044,798,028
1	Cổ tức được nhận	4,812,832,080	492,640,000	6,208,004,880
2	Lãi được nhận	3,442,358,225	3,306,606,577	10,836,792,848
2.1	Lãi TGNH	1,210,792,225	1,290,990,577	4,358,044,848
2.2	Lãi trái phiếu	2,231,566,000	2,015,616,000	6,478,748,000
3	Thu nhập khác			300
II	Chi phí	2,972,191,725	2,812,337,015	8,844,916,027
1	Phí quản lý quỹ	2,700,980,879	2,584,563,511	8,080,207,725
2	Phí lưu ký, giám sát	108,039,235	155,073,811	430,792,846
3	Các loại chi phí khác	163,171,611	72,699,693	333,915,456
	Phí ngân hàng	7,085,144	6,835,629	20,494,449
	Thù lao Ban đại diện	54,000,000	54,000,000	162,000,000
	Phí môi giới bán CK	94,519,817	11,864,064	123,854,357
	Phí quản lý niêm yết & lưu ký	7,566,650		27,566,650
	Phí kiểm toán			
	Phí hợp Ban Đại Diện Quỹ VF1			
	Chi phí khác			
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	5,282,998,580	986,909,562	8,199,882,001
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	64,498,038,911	(126,824,097,960)	(87,392,418,281)
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	(18,094,320,633)	(4,115,180,149)	(20,299,851,734)
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	82,592,359,544	(122,708,917,811)	(67,092,566,547)
3	Ghi nhận quyền phát hành thêm cp			
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV)	69,781,037,491	(125,837,188,398)	(79,192,536,280)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM